

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 79/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ	
ĐẾN GI:.....C.....	
Ngày:.....02/7/2026.....	

THÔNG TƯ

Quy định về thu, chi của chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 119/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phát triển hạ tầng;
Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về thu, chi của chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định thu, chi của chủ đầu tư, ban quản lý dự án (sau đây viết tắt là BQLDA) có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng: chủ đầu tư, BQLDA do chủ đầu tư thành lập, BQLDA do người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thành lập, BQLDA là đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý dự án.

3. Chủ đầu tư, BQLDA quản lý dự án sử dụng nguồn vốn ODA và nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài: thực hiện quản lý các khoản thu, chi của dự án theo điều ước quốc tế, thỏa thuận vay/viện trợ với nhà tài trợ về nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài đã ký kết và pháp luật hiện hành về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, Thông tư hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính. Trường hợp không có quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận vay/viện trợ với nhà tài trợ, pháp luật hiện hành về quản lý và sử dụng các khoản thu, chi của dự án sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, Thông tư hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Khuyến khích chủ đầu tư, BQLDA quản lý dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước áp dụng các quy định tại Thông tư này để thực hiện trình tự, nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán và được phép chỉnh sửa các nội dung, biểu mẫu cho phù hợp với công tác quản lý dự án của đơn vị. Cơ chế tài chính (chế độ, định mức chi của các khoản chi, chi tiết kiệm và định mức khác chi cho các khoản chi khác có liên quan đến quản lý dự án) và thẩm quyền thẩm định, thẩm tra, phê duyệt dự toán, quyết toán thực hiện theo quy định của đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

Điều 2. Nguồn thu và phân chia nguồn thu quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA đối với dự án được giao quản lý

1. Nguồn thu

a) Thu từ chi phí của dự án được giao quản lý, bao gồm: nguồn trích chi phí quản lý dự án và nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý (trừ chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do chủ đầu tư thực hiện được thực hiện theo pháp luật về đất đai).

b) Thu hợp pháp khác của chủ đầu tư, BQLDA theo quy định, bao gồm: thu từ hoạt động tư vấn cho các dự án khác và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

c) Ngân sách nhà nước cấp (nếu có).

2. Phân chia nguồn thu quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA đối với dự án được giao quản lý: căn cứ vào nội dung, khối lượng công việc, trách nhiệm giữa chủ đầu tư và BQLDA, Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư quyết định bằng văn bản tỷ lệ phân chia khoản thu quản lý dự án giữa chủ đầu tư và BQLDA (nếu có) và chịu trách nhiệm về nội dung này.

Điều 3. Tài khoản giao dịch

1. Đối với nguồn thu từ chi phí của dự án được giao quản lý, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và pháp luật có liên quan: chủ đầu tư, BQLDA mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện giao dịch để quản lý.

2. Đối với nguồn thu không thuộc dự án được giao quản lý, các Quỹ được trích lập theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: chủ đầu tư, BQLDA được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để quản lý.

Điều 4. Phân loại Ban quản lý dự án

1. BQLDA nhóm I, gồm: chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án, BQLDA do chủ đầu tư thành lập, BQLDA do người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thành lập theo đúng quy định của pháp luật (trừ BQLDA là đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều này).

2. BQLDA nhóm II, gồm: đơn vị sự nghiệp công lập, được thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

LẬP DỰ TOÁN THU, CHI CỦA CHỦ ĐẦU TƯ, BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 5. Căn cứ lập dự toán thu, chi

1. Quyết định thành lập BQLDA theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt dự toán và các Quyết định điều chỉnh (nếu có).

3. Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư (đối với các khoản thu và chi phí quản lý dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư).

4. Nguồn thu và phân chia nguồn thu quản lý dự án theo quy định tại Điều 2, lập dự toán thu theo quy định tại Điều 6 Thông tư này. Trường hợp đến thời điểm lập dự toán chưa xác định được cụ thể, chủ đầu tư, BQLDA căn cứ vào tình hình thực tế để dự kiến nguồn thu và chịu trách nhiệm về nội dung này.

5. Bảng tính tiền lương năm của từng người lao động tham gia quản lý dự án theo Mẫu số 02/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Các quy định về trích chi phí và quản lý tài chính đối với chủ đầu tư, BQLDA theo pháp luật hiện hành.

7. Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị được xây dựng, ban hành theo đúng quy định của pháp luật.

8. Các căn cứ khác của dự án (nếu có).

Điều 6. Lập dự toán thu

Dự toán thu bao gồm các khoản thu theo quy định tại Điều 2 Thông tư này; trong đó nguồn thu từ chi phí của từng dự án được giao quản lý được thực hiện như sau:

BQLDA theo quy định tại Điều 4 Thông tư này xác định nguồn thu từ chi phí do mình thực hiện của từng dự án được giao quản lý, trên cơ sở đó xây dựng dự toán thu để triển khai quản lý dự án cho các năm và lập Mẫu số 01(i)/DT-QLDA - Bảng tính chi phí tư vấn, quản lý dự án; (i) sẽ chạy từ 1 đến n đối với trường hợp được giao quản lý nhiều dự án, cụ thể như sau:

$$G_{QLDA(CĐT)} = G_{QLDA} + G_{TV} + G_K - G_T$$

$G_{QLDA(CĐT)}$: chi phí quản lý dự án phần do chủ đầu tư, BQLDA được sử dụng theo từng dự án trong suốt quá trình quản lý dự án.

G_{QLDA} : chi phí quản lý dự án của dự án được xác định theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

G_{TV} : chi phí tư vấn của dự án do chủ đầu tư, BQLDA tự thực hiện được xác định theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

G_K : chi phí khác do chủ đầu tư, BQLDA được phép thực hiện theo quy định của pháp luật.

G_T : chi phí mà chủ đầu tư, BQLDA cần phải thuê để thực hiện trong quá trình quản lý dự án.

Điều 7. Dự toán thu, chi hằng năm của chủ đầu tư, BQLDA

1. Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, chủ đầu tư quyết định việc lập và phê duyệt 01 dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng hoặc lập và duyệt 02 dự toán riêng cho chủ đầu tư và BQLDA để thuận lợi trong công tác quản lý, sử dụng. Trường hợp lập dự toán chung cho cả chủ đầu tư và BQLDA sử dụng, cần xác định rõ các nội dung chi của chủ đầu tư và các nội dung chi của BQLDA.

2. Hằng năm, chủ đầu tư, BQLDA căn cứ thời gian thực hiện dự án, hình thức tổ chức quản lý dự án, quy mô và đặc điểm nhiệm vụ công việc quản lý dự án, các chế độ chính sách có liên quan để xác định chi phí quản lý dự án của từng dự án cho phù hợp với khối lượng nhiệm vụ, công việc quản lý dự án trong năm và chịu trách nhiệm về nội dung này. Các khoản thu từ chi phí của dự án được giao quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hạch toán vào vốn của dự án đó. Chủ đầu tư, BQLDA có trách nhiệm đảm bảo đủ chi phí quản lý dự án để tổ chức, thực hiện quản lý dự án cho đến khi dự án được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định.

3. Dự toán thu, chi hằng năm được lập theo quy định tại Mẫu số 03/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Dự toán chi của Chủ đầu tư, BQLDA bao gồm chi phí giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư. Trường hợp chủ đầu tư, BQLDA thuê đơn vị tư vấn độc lập thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định, chi phí thuê tư vấn giám sát, đánh giá đầu tư phải được hạch toán vào khoản mục chi phí thuê tư vấn ngoài (G_T) và không được tính vào dự toán chi thường xuyên thực hiện của chủ đầu tư, BQLDA.

Mục 2

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÓM I

Điều 8. Nội dung dự toán chi

1. Nội dung chi theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Điều 83 Nghị định số 19/2026/NĐ-CP và pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với chủ đầu tư, BQLDA có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc cơ quan hành chính nhà nước: Cơ chế tài chính thực hiện theo quy định của đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

3. Đối với chủ đầu tư, BQLDA có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc doanh nghiệp: cơ chế tài chính thực hiện theo quy định của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

4. Đối với chủ đầu tư, BQLDA có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước không thuộc khoản 2, 3 Điều này: cơ chế tài chính theo quy định của đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

5. Chi phí quản lý dự án đã bao gồm chi phí giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Nghị định số 19/2026/NĐ-CP.

6. Việc chi phải trong phạm vi dự toán được duyệt, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ tài chính hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ hợp pháp.

Điều 9. Thẩm định, phê duyệt dự toán hằng năm

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt

a) Đối với chủ đầu tư, BQLDA thuộc cơ quan hành chính nhà nước: thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán.

b) Đối với chủ đầu tư, BQLDA thuộc doanh nghiệp: thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán theo quy định của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

c) Đối với chủ đầu tư, BQLDA không thuộc điểm a, b khoản 1 Điều này: thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán theo quy định của đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt dự toán

a) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt dự án, Quyết định phê duyệt dự toán, Quyết định thành lập BQLDA (trường hợp có thành lập BQLDA) và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung khác nếu có.

b) Bảng tính chi phí tư vấn, quản lý dự án theo Mẫu số 01(i)/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Bảng tính lương năm theo Mẫu số 02/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Dự toán thu, chi quản lý dự án năm theo Mẫu số 03/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nội dung thẩm định dự toán

a) Thẩm định nội dung công việc, phương pháp tính toán, tiêu chuẩn, định mức, sự phù hợp trong việc phân bổ nguồn chi phí cho các năm trong Bảng tính nguồn thu từ hoạt động quản lý dự án theo Mẫu số 01(i)/DT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này đối với nhiệm vụ được giao năm kế hoạch.

b) Thẩm định sự phù hợp của dự toán thu và nội dung chi trong dự toán theo Mẫu số 03/DT-QLDA với các tiêu chuẩn, định mức và chế độ tài chính hiện hành của nhà nước.

4. Thời hạn thẩm định và phê duyệt dự toán

a) Thời hạn thẩm định, phê duyệt dự toán: tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đủ điều kiện thẩm định, phê duyệt dự toán theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Thời gian phê duyệt dự toán: chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch, dự toán năm kế hoạch phải được phê duyệt theo Mẫu số 01/QĐ-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Điều chỉnh dự toán năm

a) Trong quá trình sử dụng, BQLDA nhóm I được chủ động điều chỉnh và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh số tiền giữa các nội dung chi trong phạm vi dự toán năm đã được duyệt. Trường hợp thu không đạt dự toán thì BQLDA nhóm I phải điều chỉnh dự toán chi cho phù hợp, đảm bảo dự toán chi không được vượt dự toán thu. Trường hợp dự toán thu hoặc dự toán chi hoặc cả dự toán thu và dự toán chi vượt dự toán thì phải thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung.

b) BQLDA nhóm I chịu trách nhiệm rà soát, lập dự toán thu, chi điều chỉnh (nếu có) gửi chủ đầu tư để thẩm định, đảm bảo dự toán điều chỉnh (nếu có) phải được người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này phê duyệt chậm nhất đến ngày 25 tháng 01 năm sau năm kế hoạch.

c) Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt, nội dung thẩm định, thời gian thẩm định: thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, điểm a khoản 4 Điều này.

6. Dự toán sau khi được duyệt hoặc điều chỉnh, BQLDA nhóm I phải gửi đến người quyết định phê duyệt dự án đầu tư để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện; cơ quan thanh toán để thực hiện thanh toán; các đơn vị có liên quan để thực hiện.

Điều 10. Quyết toán thu, chi hằng năm

1. Kết thúc năm kế hoạch, BQLDA nhóm I lấy ý kiến xác nhận của cơ quan thanh toán để lập báo cáo quyết toán thu, chi chậm nhất là ngày 28 tháng 02 năm sau theo Mẫu số 01/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán thu, chi hằng năm

a) Đối với chủ đầu tư, BQLDA thuộc cơ quan hành chính nhà nước: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

Trước khi phê duyệt quyết toán thu, chi năm, chủ đầu tư dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán kèm theo nội dung thẩm tra quyết toán của chủ đầu tư (kèm hồ sơ báo cáo quyết toán do BQLDA nhóm I lập) gửi lấy ý kiến của đơn vị có chức năng quản lý tài chính trực thuộc cấp quyết định phê duyệt dự án đầu tư. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đủ điều kiện, đơn vị được gửi lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản trả lời chủ đầu tư về sự phù hợp giữa số liệu đề nghị quyết toán trong Báo cáo quyết toán thu, chi năm kế hoạch theo Mẫu số 01/QT-QLDA với dự toán được duyệt và quy định của nhà nước để chủ đầu tư thực hiện phê duyệt quyết toán thu, chi.

b) Đối với chủ đầu tư, BQLDA thuộc doanh nghiệp: thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

c) Đối với chủ đầu tư, BQLDA không thuộc điểm a, b khoản 2 Điều này: thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định của đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư.

3. Phân bổ chi phí cho các dự án được giao quản lý hằng năm

Trường hợp BQLDA nhóm I trực tiếp quản lý từ 02 dự án trở lên, hằng năm BQLDA nhóm I thực hiện phân bổ chi phí cho các dự án được giao quản lý theo nguyên tắc:

a) Chi phí đã xác định để chi cho dự án cụ thể: phân bổ trực tiếp cho dự án đó.

b) Chi phí không xác định được chi cho dự án cụ thể: phân bổ theo tỷ lệ chi phí tương ứng với giá trị khối lượng nhiệm vụ, công việc trong năm của dự án do BQLDA nhóm I chịu trách nhiệm xác định.

4. Hồ sơ báo cáo quyết toán năm

a) Tờ trình phê duyệt quyết toán thu, chi.

b) Bảng tổng hợp quyết toán thu, chi theo Mẫu số 01/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Bảng kê các chứng từ chi phát sinh trong năm do BQLDA nhóm I lập.

d) Quyết định phê duyệt dự toán hằng năm, quyết định điều chỉnh, bổ sung dự toán năm (nếu có), Quyết định phê duyệt quyết toán của năm trước (nếu có).

5. Thời gian thẩm tra và phê duyệt báo cáo quyết toán thu, chi: tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ báo cáo quyết toán năm hợp pháp, hợp lệ.

6. Nội dung thẩm tra

a) Thẩm tra việc sử dụng các khoản thu trong năm kế hoạch.

b) Thẩm tra, đối chiếu sự phù hợp giữa số liệu đề nghị quyết toán trong Báo cáo quyết toán thu, chi năm kế hoạch theo Mẫu số 01/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này với định mức được trích, chế độ định mức do nhà nước ban hành và dự toán được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

c) Thẩm tra về tính hợp pháp, hợp lệ của các nội dung thu, chi theo dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh, bổ sung.

d) Thẩm tra sự phù hợp của phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án cụ thể thực hiện trong năm kế hoạch.

7. Mẫu biểu phê duyệt quyết toán thu, chi theo Mẫu số 01.QĐ/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Khoản chênh lệch nguồn thu được quyết toán lớn hơn số đã chi được quyết toán được chuyển sang thực hiện chi ở các năm sau.

9. Quyết toán chi phí do BQLDA nhóm I tự thực hiện của dự án được giao quản lý

a) Chi phí được quyết toán tối đa không vượt chi phí được duyệt (hoặc điều chỉnh) trong tổng mức đầu tư (hoặc dự toán) của dự án và được phê duyệt chung trong quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

b) Đối với BQLDA nhóm I quản lý 01 dự án: BQLDA nhóm I lập báo cáo quyết toán chi phí do BQLDA nhóm I thực hiện kèm theo Hồ sơ báo cáo quyết toán năm cùng hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án.

c) Đối với BQLDA nhóm I quản lý từ 02 dự án trở lên: khi dự án được giao quản lý hoàn thành, chi phí được quyết toán là tổng hợp các chi phí đã được phân bổ, phê duyệt hằng năm của dự án và các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa được phân bổ hằng năm cho dự án do BQLDA nhóm I chịu trách nhiệm xác định.

d) Đối với dự án dừng thực hiện: chi phí quản lý dự án, chi phí giám sát của BQLDA nhóm I được quyết toán trên cơ sở giá trị của chi phí xây dựng, thiết bị (chưa có thuế GTGT) đã được nghiệm thu đúng quy định. Trường hợp chi phí quyết toán lớn hơn chi phí được tính theo giá trị của chi phí xây dựng, thiết bị (chưa có thuế GTGT) đã được nghiệm thu đúng quy định, BQLDA nhóm I báo cáo người quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định.

Mục 3

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÓM II

Điều 11. Nguồn thu và giao quyền tự chủ tài chính

1. Nguồn thu của BQLDA nhóm II: gồm các nguồn thu quy định tại Điều 2 Thông tư này. Nguồn thu quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2 là nguồn thu xác định mức tự chủ tài chính của đơn vị.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng của BQLDA nhóm II cho các chủ đầu tư, BQLDA khác phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với khả năng chuyên môn và tài chính của đơn vị, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ quản lý các dự án đã được giao và không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính của đơn vị.

2. Giao quyền tự chủ tài chính và xác định kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có), quy chế chi tiêu nội bộ và phân phối kết quả tài chính trong năm: thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 12. Lập và chấp hành dự toán hằng năm

1. Lập, phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán: thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó lưu ý một số nội dung sau:

a) Về nguồn thu và nhiệm vụ chi: trên cơ sở nguồn thu và nhiệm vụ chi thực hiện tương ứng theo từng dự án, BQLDA nhóm II chịu trách nhiệm xác định nguồn thu được sử dụng trong năm (khoản để sử dụng, đảm bảo dự toán chi trong năm). Khoản thu chưa thực hiện nhiệm vụ chi trong năm kế hoạch và nguồn thu tương ứng với nhiệm vụ chi chưa hoàn thành trong năm được duyệt trong dự toán năm được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Về Mẫu biểu: thực hiện theo các Mẫu số 01(i)/DT-QLDA, 02/DT-QLDA, 03/DT-QLDA, 02/QĐ-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Về thời hạn phê duyệt: chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch, dự toán năm kế hoạch phải được phê duyệt; chậm nhất đến ngày 25 tháng 01 năm sau năm kế hoạch, dự toán điều chỉnh (nếu có) năm kế hoạch phải được phê duyệt.

d) Đối với BQLDA có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp: việc lập, phân bổ, giao dự toán, thời hạn phê duyệt và thực hiện dự toán được thực hiện theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

2. Dự toán thu, chi sau khi được duyệt hoặc điều chỉnh, BQLDA nhóm II phải gửi đến cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện; cơ quan thanh toán để thực hiện thanh toán; các đơn vị có liên quan để thực hiện.

3. Chi phí quản lý dự án đã bao gồm chi phí giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Nghị định số 19/2026/NĐ-CP.

Điều 13. Quyết toán thu, chi hằng năm của BQLDA

Kết thúc năm kế hoạch, BQLDA nhóm II lập báo cáo quyết toán thu, chi gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Đối với BQLDA nhóm II thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương (sau đây gọi là cơ quan trung ương): cơ quan tài chính cùng cấp do Thủ trưởng cơ quan trung ương xác định, giao nhiệm vụ.

Đối với BQLDA nhóm II thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã: cơ quan tài chính cùng cấp là Sở Tài chính cấp tỉnh, Phòng có chức năng quản lý tài chính cấp xã.

1. Hồ sơ báo cáo quyết toán năm

a) Văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán thu, chi.

b) Báo cáo quyết toán thu, chi năm theo Mẫu số 02/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Bảng kê các chứng từ chi phát sinh trong năm.

d) Quyết định phê duyệt dự toán năm, quyết định điều chỉnh dự toán năm (nếu có).

2. Phân bổ chi phí cho các dự án được giao quản lý hằng năm

Trường hợp BQLDA nhóm II trực tiếp quản lý từ 02 dự án trở lên, hằng năm BQLDA nhóm II thực hiện phân bổ chi phí cho các dự án được giao quản lý theo nguyên tắc:

a) Chi phí đã xác định để chi cho dự án cụ thể: phân bổ trực tiếp cho dự án đó.

b) Chi phí không xác định được chi cho dự án cụ thể: phân bổ theo tỷ lệ chi phí tương ứng với giá trị khối lượng nhiệm vụ, công việc trong năm của dự án do BQLDA nhóm II chịu trách nhiệm xác định.

3. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán hằng năm

a) Cơ quan tài chính cùng cấp tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán thu, chi.

b) Nội dung thẩm tra:

Thẩm tra việc phân bổ chi phí quản lý dự án, các khoản chi phí tư vấn và các khoản chi phí khác theo các năm và năm kế hoạch.

Đối chiếu số liệu trong Báo cáo quyết toán thu, chi năm theo Mẫu số 02/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này với dự toán thu, chi năm được duyệt hoặc được điều chỉnh (nếu có).

Thẩm tra về tính hợp pháp, hợp lệ các nội dung thu, chi theo dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh.

4. Thời hạn thẩm tra và phê duyệt quyết toán: tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ báo cáo quyết toán năm hợp pháp, hợp lệ, cơ quan tài chính cùng cấp thẩm tra và Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi theo Mẫu số 02.QĐ/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quyết toán chi phí do BQLDA nhóm II tự thực hiện của dự án được giao quản lý

a) Chi phí được quyết toán tối đa không vượt chi phí được duyệt (hoặc điều chỉnh) trong tổng mức đầu tư (hoặc dự toán) của dự án và được phê duyệt chung trong quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án.

b) Đối với BQLDA nhóm II quản lý 01 dự án: khi dự án được giao quản lý hoàn thành, BQLDA nhóm II lập báo cáo quyết toán chi phí kèm theo Hồ sơ báo cáo quyết toán năm cùng hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án gửi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án.

c) Đối với BQLDA nhóm II quản lý từ 02 dự án trở lên: khi dự án được giao quản lý hoàn thành, chi phí được quyết toán là tổng hợp các chi phí đã được phân bổ, phê duyệt hằng năm của dự án và các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa được phân bổ hằng năm cho dự án do BQLDA nhóm II chịu trách nhiệm xác định.

d) Đối với dự án dừng thực hiện: chi phí quản lý dự án, chi phí giám sát của BQLDA nhóm II được quyết toán trên cơ sở giá trị của chi phí xây dựng, thiết bị (chưa có thuế GTGT) đã được nghiệm thu đúng quy định. Trường hợp chi phí quyết toán lớn hơn chi phí được tính theo giá trị của chi phí xây dựng, thiết bị (chưa có thuế GTGT) đã được nghiệm thu đúng quy định, BQLDA nhóm II báo cáo người quyết định phê duyệt dự án đầu tư xem xét, quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của thủ trưởng chủ đầu tư, BQLDA nhóm I

a) Chủ đầu tư: chỉ đạo cơ quan chuyên môn của chủ đầu tư, BQLDA lập dự toán, quyết toán thu, chỉ đề trình thẩm tra, phê duyệt, tổ chức thẩm định, thẩm tra và phê duyệt dự toán, quyết toán thu, chỉ đúng thời gian, nội dung quy định tại Thông tư này.

b) BQLDA nhóm I: chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi của BQLDA, xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định.

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của chứng từ thu, chi; cung cấp kịp thời các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán thu, chi quản lý dự án khi được cơ quan thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.

2. Trách nhiệm của Giám đốc BQLDA nhóm II

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi của BQLDA.

b) Thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt (hoặc điều chỉnh) dự toán và lập Hồ sơ quyết toán thu, chi gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm tra, phê duyệt đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này.

c) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên và pháp luật về các quyết định của mình trong việc thực hiện quyền tự chủ về tài chính của đơn vị.

d) Xây dựng phương án thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xây dựng, tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, cơ chế tự chủ tài chính theo đúng

quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

đ) Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê, quản lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu, chi của đơn vị trong sổ kế toán. Thực hiện các quy định về chế độ thông tin, báo cáo hoạt động của đơn vị theo quy định hiện hành.

e) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính theo quy định hiện hành.

g) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của chứng từ thu, chi; cung cấp kịp thời các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán thu, chi quản lý dự án khi được cơ quan thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.

3. Trách nhiệm của cơ quan thanh toán

a) Thanh toán việc sử dụng các khoản thu, chi của các chủ đầu tư, BQLDA theo đề nghị của Chủ đầu tư, BQLDA đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền duyệt và theo các quy định cụ thể tại Thông tư này.

b) Đối chiếu, xác nhận số liệu đã thực hiện thanh toán thuộc trách nhiệm của cơ quan thanh toán theo Mẫu số 01/QT-QLDA, Mẫu số 02/QT-QLDA ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương

a) Quyết định phê duyệt phương án tự chủ về tài chính đối với các BQLDA nhóm II theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn.

b) Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng các khoản thu, chi của các chủ đầu tư, BQLDA có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý; có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân, đơn vị có hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng các khoản thu, chi của các chủ đầu tư, BQLDA có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

5. Trách nhiệm của cơ quan tài chính các cấp

a) Kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư, BQLDA tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng các khoản thu, chi theo quy định. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm trong quản lý, sử dụng các khoản thu, chi cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

b) Có ý kiến tham gia bằng văn bản với chủ đầu tư về quyết toán của BQLDA nhóm I và thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán thu, chi của BQLDA nhóm II theo đúng quy định; trường hợp cần thiết được kiểm tra hồ sơ, chứng từ thu, chi của chủ đầu tư, BQLDA.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Bãi bỏ Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này.

Điều 16. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp chủ đầu tư, BQLDA thực hiện dự toán thu, chi năm 2026 theo quy định tại Thông tư số 70/2024/TT-BTC, việc quyết toán thu, chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 70/2024/TT-BTC.
2. Trường hợp chủ đầu tư, BQLDA điều chỉnh dự toán thu, chi năm 2026 thì việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi, quyết toán thu, chi thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công báo; Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ PHTT (số bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Tạ Anh Tuấn

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Kèm theo Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thu, chi của chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước)

Số TT	Số phụ lục	Tên mẫu biểu
1	Mẫu số: 01(i)/DT-QLDA	Bảng tính chi phí tư vấn, quản lý dự án (lập riêng cho từng dự án).
2	Mẫu số: 02/DT-QLDA	Bảng tính lương năm.
3	Mẫu số: 03/DT-QLDA	Dự toán thu, chi quản lý dự án năm.
4	Mẫu số: 01/QĐ-QLDA	Quyết định phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm của Ban quản lý dự án nhóm I.
5	Mẫu số: 02/QĐ-QLDA	Quyết định phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm của Ban quản lý dự án nhóm II.
6	Mẫu số: 01/QT-QLDA	Báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án năm của Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án nhóm I.
7	Mẫu số: 01.QĐ/QT-QLDA	Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm của Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án nhóm I.
8	Mẫu số: 02/QT-QLDA	Báo cáo quyết toán thu, chi quản lý dự án năm của Ban quản lý dự án nhóm II.
9	Mẫu số: 02.QĐ/QT-QLDA	Quyết định phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm của Ban quản lý dự án nhóm II.

Mẫu số: 01(i) /DT- QLDA

(Lập riêng cho từng dự án)

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢNG TÍNH CHI PHÍ TƯ VẤN, QUẢN LÝ DỰ ÁN

Chủ đầu tư:

Ban quản lý dự án (BQLDA):

Tên dự án:

Thời gian thực hiện dự án: Từ tháng...năm.... đến tháng...năm....

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Ký hiệu
I	Chi phí quản lý dự án:	G_{QLDA}
II	Các khoản chi phí tư vấn do chủ đầu tư, BQLDA tự thực hiện:	G_{TV}
1	
...	
III	Chi khác do chủ đầu tư, BQLDA được phép thực hiện theo quy định của pháp luật (nếu có):	G_K
1	
...	
IV	Dự kiến những công việc thuộc chi phí QLDA cần phải thuê tư vấn (nếu có):	G_T
1	
...	
V	Tổng mức kinh phí do chủ đầu tư, BQLDA được sử dụng ($V = I + II + III - IV$) $G_{QLDA (CBT)} = G_{QLDA} + G_{TV} + G_K - G_T$ Trong đó: - Chủ đầu tư sử dụng: - BQLDA sử dụng:	$G_{QLDA (CBT)}$

Dự kiến phân bổ cho các năm:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tổng số	Trong đó	
		Chủ đầu tư sử dụng	BQLDA sử dụng
...			
...			
Chi dự phòng			

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01(i)/DT-QLDA lập riêng cho từng dự án; (i) sẽ chạy từ 1 đến n đối với trường hợp chủ đầu tư được giao quản lý nhiều dự án.

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA

Mẫu số: 02/DT- QLDA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢNG TÍNH LƯƠNG NĂM

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số phụ cấp khu vực	Hệ số phụ cấp khác	Cộng hệ số	Tiền lương và phụ cấp một tháng (đồng)	Số tháng	Tiền lương và phụ cấp cả năm (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8= 4+5+6+7	9	10	11
I	Người lao động hưởng lương từ dự án									
1										
2										
3									
II	Người lao động hưởng lương hợp đồng QLDA									
1										
2										
3									
III	Tổng cộng (III= I+II)									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

DỰ TOÁN THU, CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN
 Năm ...

A. Dự toán thu

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Danh mục dự án	Tổng nguồn thu theo dự án	Lũy kế nguồn đã thu các năm trước	Nguồn thu năm kế hoạch				Nguồn còn lại thu các năm sau
				Tổng số	Nguồn thu được sử dụng trong năm		Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	
					Số tiền	Tỷ lệ (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8= 5-6	9=3-4-5
A	Tổng nguồn thu (A= I+II+III+IV+V)					100		
I	Nguồn thu năm trước chuyển sang							
1	Từ dự án được giao quản lý							
2	Từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị							
II	Nguồn thu từ chi phí của dự án được giao quản lý¹							
1	Nguồn trích chi phí quản lý dự án							
1.1	Dự án...							
1.2	Dự án...							
...	...							
2	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý							
2.1	Nguồn thu từ chi phí quản lý dự án							
(1)	Dự án...							
(2)	Dự án...							
...	...							
2.2	Nguồn thu khác từ dự án (nếu có)							
(1)	Dự án...							
(2)	Dự án...							
...	...							
III	Dự án điều chỉnh, bổ sung trong năm							
IV	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị (nếu có)²							
1	Dự án...							
2	Dự án...							
...	...							
V	Nguồn NSNN cấp (nếu có)³							

¹ Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư

² Quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư

³ Quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư

B. Dự toán chi

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Năm báo cáo						Dự kiến mức chi năm kế hoạch			Ghi chú	
		Dự toán được duyệt (điều chỉnh, bổ sung, nếu có)			Ước thực hiện			Tổng số	Trong đó			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị		
			Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị		Chi từ dự án được giao quản lý	Chi từ nguồn hợp pháp khác của đơn vị					
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12	
B	Tổng cộng (B=I+II+III)											
I	Chi thường xuyên giao tự chủ											
1	Tiền lương											
2	Các khoản phụ cấp lương											
3	Các khoản trích nộp theo lương											
4	Làm thêm giờ											
5	Khen thưởng											
6	Chi phúc lợi tập thể											
7	Thanh toán dịch vụ công cộng											
8	Mua vật tư văn phòng											
9	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc											
10	Hội nghị, Hội thảo											
11	Thanh toán công tác phí											
12	Thuê mướn											
13	Đoàn đi công tác nước ngoài											
14	Đoàn vào											
15	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản											
16	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý											
17	Chi khác											
18	Chi dự phòng											
II	NSNN cấp cho chi thường xuyên (nếu có) chi tiết theo nội dung nhiệm vụ											
III	NSNN cấp cho chi không thường xuyên (nếu có) chi tiết theo nội dung nhiệm vụ											

Ghi chú:

- Chi khen thưởng (STT 5 Mục I phần B): Thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.
- Chi phúc lợi tập thể (STT 6 Mục I phần B): Thực hiện theo pháp luật về phúc lợi tập thể.
- Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý (STT 16 Mục I phần B) chỉ có ở BQLDA nhóm I và BQLDA nhóm II chưa có Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.
- NSNN cấp cho chi thường xuyên (Mục II phần B) chỉ có ở BQLDA nhóm II.
- NSNN cấp cho chi không thường xuyên (Mục III phần B) chỉ có ở BQLDA nhóm II.

THỦ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán thu, chi năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO LÀM CHỦ ĐẦU TƯ PHÊ DUYỆT

Căn cứ

Căn cứ Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thu, chi của chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 : Duyệt dự toán thu, chi năm....

Chủ đầu tư...

Giá trị dự toán được duyệt như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
A	DỰ TOÁN THU				
I	Tổng cộng: ⁽¹⁾ (I = 1+2+3+4+5)				
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang				
2	Nguồn thu từ chi phí của dự án được giao quản lý				
3	Dự án điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có)				
4	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị				
5	Nguồn NSNN cấp (nếu có)				

B	DỰ TOÁN CHI⁽²⁾				
I	Tổng cộng⁽³⁾ (I= 1+2+3+...+18)				
1	Tiền lương				
2	Các khoản phụ cấp lương				
3	Các khoản trích nộp theo lương				
4	Làm thêm giờ				
5	Khen thưởng				
6	Chi phúc lợi tập thể				
7	Thanh toán dịch vụ				
8	Mua vật tư văn phòng				
9	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
10	Hội nghị, Hội thảo				
11	Thanh toán công tác phí				
12	Thuê mướn				
13	Đoàn đi công tác nước ngoài				
14	Đoàn vào				
15	Sửa chữa thường xuyên tài sản				
16	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý				
17	Chi khác				
18	Chi dự phòng				

Điều 2: Chủ đầu tư, Giám đốc Ban quản lý dự án, cơ quan thanh toán (*cụ thể tên cơ quan*) và các cơ quan, đơn vị có liên quan (*chi tiết các tên đơn vị liên quan*) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp phát sinh tỷ lệ trích chi phí QLDA cho chủ đầu tư thì ghi rõ phần chủ đầu tư được hưởng, phần BQLDA được hưởng trong năm kế hoạch.

⁽²⁾ Trường hợp phát sinh chi phí QLDA của chủ đầu tư như điểm (1) nêu trên thì trong dự toán chi ghi một dòng cho phần trích chuyển chủ đầu tư.

⁽³⁾ Tổng chi của BQLDA thực hiện trong năm kế hoạch.

- Chi khen thưởng (STT 5 phần B): Thực hiện theo pháp luật về thi đua khen thưởng.

- Chi phúc lợi tập thể (STT 6 Mục I phần B): Thực hiện theo pháp luật về phúc lợi tập thể.

- Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý (STT 16 Mục I phần B) chỉ có ở BQLDA nhóm I và BQLDA nhóm II chưa có Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**V/v Phê duyệt dự toán thu, chi năm...****GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÓM II**

Căn cứ

Căn cứ Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thu, chi của chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1:** Duyệt dự toán thu, chi của Ban quản lý dự án ... năm... như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3= 4+5	4	5	6
A	DỰ TOÁN THU				
I	Tổng thu (I = 1+2+3+4+5)				
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang				
2	Nguồn thu từ chi phí của dự án được giao quản lý				
3	Dự án điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có)				
4	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị (nếu có)				
5	Nguồn ngân sách nhà nước cấp (nếu có)				
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng				
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III = I – II)	(e) = (a)+(b)+(c)			
1	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên	(a)			

2	Nguồn NSNN cấp cho chi thường xuyên (nếu có)	(b)			
3	Nguồn NSNN cấp cho chi không thường xuyên (nếu có)	(c)			
B	DỰ TOÁN CHI				
I	Chi thường xuyên giao tự chủ (I=1+2+3+...+18)	\leq (a)			
1	Tiền lương				
2	Các khoản phụ cấp lương				
3	Các khoản trích nộp theo lương				
4	Làm thêm giờ				
5	Khen thưởng				
6	Chi phúc lợi tập thể				
7	Thanh toán dịch vụ công cộng				
8	Mua vật tư văn phòng				
9	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
10	Hội nghị, Hội thảo				
11	Thanh toán công tác phí				
12	Thuê mướn				
13	Đoàn đi công tác nước ngoài				
14	Đoàn vào				
15	Sửa chữa thường xuyên tài sản				
16	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý				
17	Chi khác				
18	Chi dự phòng				
II	NSNN cấp cho chi thường xuyên (nếu có) chi tiết theo nội dung nhiệm vụ				
III	NSNN cấp cho chi không thường xuyên (nếu có) chi tiết theo nội dung nhiệm vụ				

Điều 2: Giám đốc Ban quản lý dự án, cơ quan thanh toán (*cụ thể tên cơ quan*) và các đơn vị có liên quan (*chi tiết các tên đơn vị liên quan*) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cơ quan quản lý cấp trên;
- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Lưu:

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Chi khen thưởng (STT 5 phần B): Thực hiện theo pháp luật về thi đua khen thưởng.
- Chi về phúc lợi tập thể (STT 6 Mục I phần B): Thực hiện theo pháp luật về phúc lợi tập thể.
- Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý (STT 16 Mục I phần B) chỉ có ở BQLDA nhóm I và BQLDA nhóm II chưa có Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

13	Đoàn đi công tác nước ngoài								
14	Đoàn vào								
15	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản								
16	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý								
17	Chi khác								
18	Chi dự phòng								

Dự kiến phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án được giao quản lý cụ thể như sau:

Số TT	Tên dự án được giao quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	100		
1	Dự án A			
2	Dự án B			
3	...			

CHỦ ĐẦU TƯ/ BQLDA
THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN THANH TOÁN ⁽³⁾
Xác nhận:
- Kinh phí đã thanh toán trong năm là: đồng;
- Kinh phí còn dư là:..... đồng;

THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp phát sinh tỷ lệ trích chi phí QLDA cho chủ đầu tư thì ghi rõ phần chủ đầu tư được hưởng, phần BQLDA được hưởng trong năm kế hoạch.

⁽²⁾ Trường hợp phát sinh chi phí QLDA của chủ đầu tư như điểm (1) nêu trên thì trong chi phí đề nghị quyết toán ghi một dòng tổng cho phần trích chuyển chủ đầu tư.

⁽³⁾ Cơ quan thanh toán xác nhận số liệu do cơ quan mình quản lý.

- Chi khen thưởng (STT 5 phần B): Thực hiện theo pháp luật về thi đua khen thưởng.
- Chi về phúc lợi tập thể (STT 6 Mục I phần B): Thực hiện theo pháp luật về phúc lợi tập thể.
- Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý (STT 16 Mục I phần B) chỉ có ở BQLDA nhóm I và BQLDA nhóm II chưa có Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

CHỦ ĐẦU TƯ/BQLDA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số: /QĐ

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt quyết toán thu, chi năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ

Căn cứ

Căn cứ Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thu, chi của chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 : Duyệt quyết toán thu, chi năm....

Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án.....

Số quyết toán trong năm:

Số chuyển năm sau:

1. Quyết toán thu:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Quyết toán được duyệt		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3= 4+5	4	5	6=7+8	7	8
I	Tổng cộng⁽¹⁾ (I= 1+2+3+4+5)						
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang						
2	Nguồn thu từ chi phí của dự án được giao quản lý						
3	Dự án điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có)						
4	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị (nếu có)						
5	NSNN cấp (nếu có)						

2. Quyết toán chi :

2.1. Phân trích cho chủ đầu tư (trường hợp phát sinh chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư): ⁽²⁾

2.2. Phân BQLDA sử dụng:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Quyết toán được duyệt		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8
I	Tổng cộng (I=1+2+3+...+18)						
1	Tiền lương						
2	Các khoản phụ cấp lương						
3	Các khoản trích nộp theo lương						
4	Làm thêm giờ						
5	Khen thưởng						
6	Chi phúc lợi tập thể						
7	Thanh toán dịch vụ công cộng						
8	Mua vật tư văn phòng						
9	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc						
10	Hội nghị, Hội thảo						
11	Thanh toán công tác phí						
12	Thuê mướn						
13	Đoàn đi công tác nước ngoài						
14	Đoàn vào						
15	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản						
16	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý						
17	Chi khác						
18	Chi dự phòng						

Điều 2: Phân bổ giá trị quyết toán thu, chi năm... cho các dự án được giao quản lý cụ thể như sau:

Số TT	Tên dự án được giao quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	100		
1	Dự án ...			
2	Dự án ...			

Điều 3: Chủ đầu tư, Giám đốc Ban quản lý dự án, cơ quan thanh toán (cụ thể tên cơ quan) và các đơn vị có liên quan (chi tiết các tên đơn vị liên quan) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đơn vị có chức năng quản lý tài chính trực thuộc cấp quyết định phê duyệt dự án đầu tư;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp phát sinh tỷ lệ trích chi phí QLDA cho chủ đầu tư thì ghi rõ phần chủ đầu tư được hưởng, phần BQLDA được hưởng trong năm kế hoạch.

⁽²⁾ Trường hợp phát sinh chi phí QLDA của chủ đầu tư như điểm (1) nêu trên thì trong chi phí đề nghị quyết toán ghi một dòng tổng cho phần trích chuyển chủ đầu tư.

- Chi khen thưởng (STT 5 Mục I mục 2.2 phần 2): Thực hiện theo pháp luật về thi đua khen thưởng.

- Chi về phúc lợi tập thể (STT 6 Mục I mục 2.2 phần 2): Thực hiện theo pháp luật về phúc lợi tập thể.

- Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý (STT 16 Mục I phần B) chỉ có ở BQLDA nhóm I và BQLDA nhóm II chưa có Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

C. Sử dụng các Quỹ

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số dư năm trước chuyển	Số trích năm báo cáo	Số sử dụng năm báo cáo	Số dư chuyển sang năm sau
1	2	3	4	5	6=3+4-5
	Tổng số				
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Quỹ bổ sung thu nhập				
	Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm				
3	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				

Phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án được giao quản lý, cụ thể như sau:

Số TT	Tên dự án được giao quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	100		
1	Dự án A			
2	Dự án B			
3			

CHỦ ĐẦU TƯ/ BQLDA
THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN THANH TOÁN ⁽³⁾
Xác nhận:
- Kinh phí đã thanh toán trong năm là: đồng;
- Kinh phí còn dư là:..... đồng;

THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp Ban QLDA có nhiều cơ quan thanh toán, BQLDA có trách nhiệm đối chiếu số liệu thanh toán với từng cơ quan để tổng hợp báo cáo quyết toán sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án.

⁽²⁾ Cơ quan thanh toán xác nhận số liệu do cơ quan mình quản lý.

- Chi Khen thưởng (Số TT 5 Mục I phần B): Thực hiện theo quy định của

- Chi về phúc lợi tập thể (STT 6 Mục I phần B): Thực hiện theo pháp luật về phúc lợi tập thể.

- Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý (STT 16 Mục I phần B) chỉ có ở BQLDA nhóm I và BQLDA nhóm II chưa có Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt quyết toán thu, chi năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH

Căn cứ

Căn cứ Thông tư số 79/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thu, chi của chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của BQLDA....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Duyệt quyết toán thu, chi năm....

Ban quản lý dự án.....

1. Quyết toán thu:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Quyết toán được duyệt		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3= 4+5	4	5	6=7+8	7	8
I	Tổng cộng (I= 1+2+3+4+5)						
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang						
2	Nguồn thu từ chi phí của dự án được giao quản lý						
3	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị (nếu có)						
4	Dự án điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có)						
5	Nguồn NSNN cấp (nếu có)						
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng						
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III=I-II)						
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ (nếu có)						
2	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên giao tự chủ						
3	Nguồn kinh phí NSNN hỗ trợ chi không thường xuyên (nếu có)						

3. Quyết toán trích lập các Quỹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Quỹ	Quyết toán
1	Tổng số (1=2+3+4)	
2	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	
3	Quỹ bổ sung thu nhập	
	Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm	
4	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	

Điều 2: Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm... cho các dự án được giao quản lý; cụ thể như sau:

TT	Tên dự án được giao quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng	100		
1	Dự án A			
2	Dự án B			
3			

Điều 3: Giám đốc Ban quản lý dự án, cơ quan thanh toán (cụ thể tên cơ quan) và các đơn vị có liên quan (chi tiết các tên đơn vị liên quan) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cơ quan cấp trên của BQLDA nhóm II;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Chi khen thưởng (Số TT 5 Mục I phần 2): Thực hiện theo quy định của
- Chi về phúc lợi tập thể (STT 6 Mục I phần 2): Thực hiện theo pháp luật về phúc lợi tập thể.
- Chi mua sắm tài sản phục vụ quản lý (STT 16 Mục I phần B) chỉ có ở BQLDA nhóm I và BQLDA nhóm II chưa có Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.